

CÔNG TY CỔ PHẦN ĐIỆN LỰC GELEX
(TRƯỚC ĐÂY LÀ CÔNG TY CỔ PHẦN THIẾT BỊ ĐIỆN GELEX)
(Thành lập tại nước Cộng hoà Xã hội Chủ nghĩa Việt Nam)

BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG
ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

MỤC LỤC

<u>NỘI DUNG</u>	<u>TRANG</u>
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC	1 - 2
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	3 - 4
BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN	5 - 6
BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH	7
BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ	8 - 9
THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH RIÊNG	10 - 41

110 / 101

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Điện lực GELEX (trước đây là Công ty Cổ phần Thiết bị Điện GELEX, gọi tắt là “Công ty”) đệ trình báo cáo này cùng với báo cáo tài chính riêng của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022.

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Các thành viên của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc Công ty đã điều hành Công ty trong năm và đến ngày lập báo cáo này gồm:

Hội đồng Quản trị

Ông Nguyễn Văn Tuấn	Chủ tịch
Ông Nguyễn Trọng Tiếu	Thành viên
Ông Đặng Phan Tường	Thành viên
Ông Đỗ Duy Hưng	Thành viên
Ông Nguyễn Trọng Trung	Thành viên (bổ nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2022)
Ông Lê Quang Định	Thành viên (miễn nhiệm ngày 15 tháng 4 năm 2022)

Ban Tổng Giám đốc

Ông Nguyễn Trọng Trung	Tổng Giám đốc
Ông Phạm Tuấn Anh	Phó Tổng Giám đốc

Ban Kiểm soát

Bà Nguyễn Thị Huyền	Trưởng Ban Kiểm soát
Ông Nguyễn Hoàng Việt	Thành viên Ban Kiểm soát
Bà Tiêu Thị Dung	Thành viên Ban Kiểm soát

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính riêng phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Trong việc lập báo cáo tài chính riêng này, Ban Tổng Giám đốc được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các nguyên tắc kế toán thích hợp có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính riêng hay không;
- Lập báo cáo tài chính riêng trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động kinh doanh; và
- Thiết kế và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính riêng hợp lý nhằm hạn chế rủi ro và gian lận.

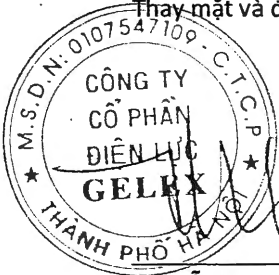
BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

TRÁCH NHIỆM CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (Tiếp theo)

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm đảm bảo rằng số kế toán được ghi chép một cách phù hợp để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty ở bất kỳ thời điểm nào và đảm bảo rằng báo cáo tài chính riêng tuân thủ chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn cho tài sản của Công ty và thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và sai phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập báo cáo tài chính riêng.

Thay mặt và đại diện cho Ban Tổng Giám đốc,



Nguyễn Trọng Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2023

25C
NG
NHH
A TC
OIT
IN
DA-

Số: 0676/VN1A-HN-BC

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

Kính gửi: Các Cổ đông
Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc
Công ty Cổ phần Điện Lực GELEX

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính riêng kèm theo của Công ty Cổ phần Điện Lực GELEX (trước đây là Công ty Cổ phần Thiết bị Điện GELEX, gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 20 tháng 3 năm 2023, từ trang 05 đến trang 41, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính riêng.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính riêng của Công ty theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính riêng dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính riêng của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính riêng. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của Kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính riêng do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, Kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính riêng trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính riêng.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP (Tiếp theo)

Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, báo cáo tài chính riêng đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.



Phạm Hoài Nam

Phó Tổng Giám đốc

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 0042-2023-001-1

PHÒNG CÔNG CHỨNG SỐ 1 TP HÀ NỘI

CHỨNG THỰC BẢN SAO ĐÚNG VỚI BẢN CHÍNH

Ngày 25-03-2024

9367 01

So công chứng.....quyển số.....SCC/BS

Lương Tuấn Đạt

Kiểm toán viên

Giấy chứng nhận đăng ký hành nghề

kiểm toán số 4370-2023-001-1

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN DELOITTE VIỆT NAM

Ngày 20 tháng 3 năm 2023

Hà Nội, CHXHCN Việt Nam



CÔNG CHỨNG VIÊN
Nguyễn Thị Thu

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		807.579.561.900	1.084.060.380.536
I. Tiền	110	4	17.129.349.002	577.844.093.712
1. Tiền	111		17.129.349.002	577.844.093.712
II. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		774.935.915.077	501.446.964.324
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	5	123.782.469.993	455.260.640.261
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	6	14.395.353.147	453.049.000
3. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135	7	400.000.000.000	-
4. Phải thu ngắn hạn khác	136	8	237.385.552.340	46.360.735.466
5. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137		(627.460.403)	(627.460.403)
III. Tài sản ngắn hạn khác	150		15.514.297.821	4.769.322.500
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	9	1.677.051.732	37.850.002
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		2.063.580.013	4.477.110.729
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	16	11.773.666.076	254.361.769
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		6.806.328.432.840	7.443.101.339.974
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		10.000.000	300.000.000.000
1. Phải thu về cho vay dài hạn	215	7	-	300.000.000.000
2. Phải thu dài hạn khác	216	8	10.000.000	-
II. Tài sản cố định	220		8.732.160.919	1.466.080.000
1. Tài sản cố định hữu hình	221	10	3.157.244.119	1.466.080.000
- Nguyên giá	222		5.285.562.719	3.211.322.250
- Giá trị hao mòn lũy kế	223		(2.128.318.600)	(1.745.242.250)
2. Tài sản cố định vô hình	227	11	5.574.916.800	-
- Nguyên giá	228		6.282.752.000	88.400.000
- Giá trị hao mòn lũy kế	229		(707.835.200)	(88.400.000)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240		3.287.514.170	5.283.018.727
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242	12	3.287.514.170	5.283.018.727
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	13	6.782.144.117.717	7.133.129.420.115
1. Đầu tư vào công ty con	251		5.798.868.150.428	5.371.872.480.962
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	1.771.644.295.436
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		1.111.361.869.099	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254		(128.085.901.810)	(10.387.356.283)
V. Tài sản dài hạn khác	260		12.154.640.034	3.222.821.132
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	9	12.154.640.034	3.222.821.132
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270=100+200)	270		7.613.907.994.740	8.527.161.720.510

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (Tiếp theo)

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

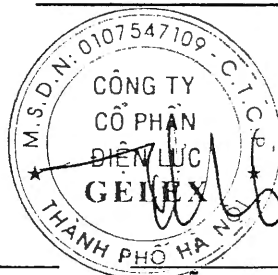
NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối năm	Số đầu năm
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		3.349.473.086.779	4.394.773.663.754
I. Nợ ngắn hạn	310		1.769.809.161.067	2.030.956.674.136
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	14	155.224.133.229	63.722.620.711
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	15	5.004.153.000	33.103.679.600
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	16	803.189.091	102.709.564
4. Phải trả người lao động	314		3.004.609.207	2.552.536.340
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	17	11.700.679.143	32.567.062.402
6. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	3.384.445.223
7. Phải trả ngắn hạn khác	319	18	984.649.687.098	1.108.623.015.412
8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	19	608.904.269.138	786.786.415.723
9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322		518.441.161	114.189.161
II. Nợ dài hạn	330		1.579.663.925.712	2.363.816.989.618
1. Phải trả dài hạn khác	337	18	3.287.514.170	-
2. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	20	1.576.376.411.542	2.363.816.989.618
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		4.264.434.907.961	4.132.388.056.756
I. Vốn chủ sở hữu	410	21	4.264.434.907.961	4.132.388.056.756
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		3.000.000.000.000	3.000.000.000.000
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		835.287.500.000	835.287.500.000
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		5.000.000.000	5.000.000.000
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		424.147.407.961	292.100.556.756
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối lũy kế đến cuối năm trước	421a		-	4.377.916.987
- Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối năm nay	421b		424.147.407.961	287.722.639.769
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440=300+400)	440		7.613.907.994.740	8.527.161.720.510



Bùi Thị Thanh Huyền
Người lập biểu



Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng




Nguyễn Trọng Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

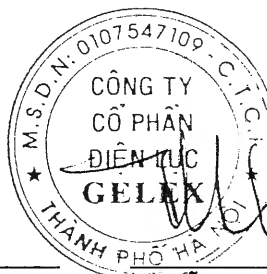
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Số liệu	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	23	2.586.833.679.211	2.878.599.309.327
2. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ (10=01)	10	23	2.586.833.679.211	2.878.599.309.327
3. Giá vốn hàng bán và dịch vụ cung cấp	11	24	2.558.618.023.386	2.837.698.929.262
4. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ (20=10-11)	20		28.215.655.825	40.900.380.065
5. Doanh thu hoạt động tài chính	21	25	1.364.118.253.220	669.293.819.403
6. Chi phí tài chính	22	26	442.236.889.414	309.296.433.572
- Trong đó: Chi phí lãi vay	23		240.183.868.361	248.675.295.674
và chi phí phát hành trái phiếu				
7. Chi phí bán hàng	25	27	7.276.952.072	7.926.920.792
8. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	27	30.273.216.354	16.431.232.305
9. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh (30=20+(21-22)-(25+26))	30		912.546.851.205	376.539.612.799
10. Chi phí khác	32		-	68.973.030
11. Lợi nhuận/(lỗ) khác (40=-32)	40		-	(68.973.030)
12. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế (50=30+40)	50		912.546.851.205	376.470.639.769
13. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	29	-	-
14. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp (60=50-51)	60		912.546.851.205	376.470.639.769

Bùi Thị Thanh Huyền
Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2023

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH			
1. Lợi nhuận trước thuế	01	912.546.851.205	376.470.639.769
2. Điều chỉnh cho các khoản:			
Khấu hao tài sản cố định	02	799.772.576	314.160.000
Các khoản dự phòng	03	117.698.545.527	10.779.970.446
Lỗi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	241.169.038	2.131.914.018
Lãi từ hoạt động đầu tư	05	(1.350.610.701.987)	(573.945.948.708)
Chi phí lãi vay và chi phí phát hành trái phiếu	06	240.183.868.361	248.675.295.674
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08	(79.140.495.280)	64.426.031.199
Giảm các khoản phải thu	09	84.264.807.725	776.783.197.529
Giảm hàng tồn kho	10	-	165.670.083.745
Giảm các khoản phải trả (Không kể thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11	(76.052.403.821)	(1.036.853.885.457)
Tăng chi phí trả trước	12	(10.571.020.632)	(2.488.440.817)
Giảm chứng khoán kinh doanh	13	-	225.155.250.060
Tiền lãi vay đã trả	14	(234.664.889.588)	(264.854.519.501)
Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	(95.748.000)	(34.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20	(316.259.749.596)	(72.196.283.242)
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ			
1. Tiền chi mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21	(5.955.062.085)	(5.283.018.727)
2. Tiền chi cho vay, mua công cụ nợ của đơn vị khác	23	(400.000.000.000)	(300.000.000.000)
3. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24	300.000.000.000	-
4. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25	(431.155.386.309)	(2.370.157.593.211)
5. Tiền thu hồi đầu tư vốn vào đơn vị khác	26	1.239.663.600.000	-
6. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27	809.034.666.084	543.427.976.694
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30	1.511.587.817.690	(2.132.012.635.244)

Các thuyết minh kèm theo là một bộ phận hợp thành của báo cáo tài chính riêng này

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (Tiếp theo)

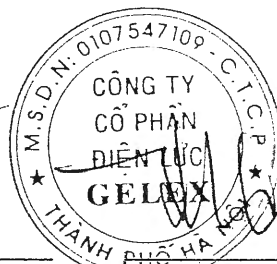
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022

Đơn vị: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Năm nay	Năm trước
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH			
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31	-	1.616.587.500.000
2. Tiền thu từ đi vay	33	2.312.676.396.775	4.450.403.421.568
3. Tiền trả nợ gốc vay	34	(3.288.834.969.579)	(3.387.626.026.940)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(779.884.240.000)	(110.935.000.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40	(1.756.042.812.804)	2.568.429.894.628
Lưu chuyển tiền thuần trong năm (50=20+30+40)	50	(560.714.744.710)	364.220.976.142
Tiền đầu năm	60	577.844.093.712	213.821.688.703
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61	-	(198.571.133)
Tiền cuối năm (70=50+60+61)	70	17.129.349.002	577.844.093.712

Bùi Thị Thanh Huyền
Người lập biểu

Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2023

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Các thuyết minh này là một bộ phận hợp thành và cần được đọc đồng thời với báo cáo tài chính kèm theo

1. THÔNG TIN KHÁI QUÁT

Hình thức sở hữu vốn

Công ty Cổ phần Điện lực GELEX ("Công ty"), trước đây là Công ty Cổ phần Thiết bị Điện GELEX (đổi tên từ ngày 15 tháng 11 năm 2022), được thành lập theo Luật Doanh nghiệp của Việt Nam theo Giấy chứng nhận Đăng ký Doanh nghiệp số 0107547109 ngày 29 tháng 8 năm 2016 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp, đăng ký thay đổi lần thứ 09 ngày 15 tháng 11 năm 2022.

Công ty có trụ sở chính tại số 52 phố Lê Đại Hành, phường Lê Đại Hành, quận Hai Bà Trưng, Thành phố Hà Nội.

Công ty đã được Ủy ban Chứng khoán Nhà nước chấp nhận đăng ký Công ty đại chúng theo Công văn số 8885/UBCK-GSĐC ngày 24 tháng 12 năm 2021.

Công ty mẹ của Công ty là Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX (trước đây là Tổng Công ty Cổ phần Thiết bị điện Việt Nam).

Tổng số cán bộ, nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 là 23 người (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 16 người).

Hoạt động chính

Hoạt động chính trong năm hiện tại của Công ty bao gồm:

- Hoạt động với vai trò là công ty mẹ, nắm giữ và quản lý phần vốn góp tại các công ty con trực tiếp hoạt động trong ngành sản xuất thiết bị điện và sản xuất, truyền tải, phân phối điện (từ ngày 05 tháng 10 năm 2021);
- Sản xuất kinh doanh vật tư thiết bị và thiết bị đo điện gồm công tơ điện, đồng hồ Vol-Ampe, máy biến dòng, máy biến áp và các sản phẩm khác.

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

Đặc điểm hoạt động của doanh nghiệp trong năm tài chính có ảnh hưởng đến báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022:

- Thay đổi tỷ lệ sở hữu tại Công ty cổ phần Thiết bị điện:
 - Theo Nghị quyết số 17/2021/NQ-HĐQT ngày 08 tháng 11 năm 2021 của Công ty Cổ phần Thiết bị Điện, Công ty Cổ phần Thiết bị Điện đã hoàn tất thủ tục bán 4.800.000 cổ phiếu quỹ tại ngày 11 tháng 01 năm 2022. Theo đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Thiết bị Điện giảm từ 86,96% xuống 80,71% kể từ ngày này.
 - Ngày 05 tháng 5 năm 2022, Công ty đã hoàn tất thủ tục mua 4.800.000 cổ phiếu THI ("Công ty Cổ phần Thiết bị Điện") theo phương thức thỏa thuận. Theo đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Thiết bị Điện tăng từ 80,71% lên 90,71% kể từ ngày này.

50
T
H
O
A
T
V
A
T

- Tại ngày 10 tháng 6 năm 2022, Công ty đã hoàn tất thủ tục mua 6.120.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị điện Đông Anh từ Công ty Cổ phần Thiết bị điện – công ty con của Công ty theo Nghị quyết số 14/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 31 tháng 3 năm 2022 của Hội đồng Quản trị. Theo đó, tỷ lệ lợi ích của Công ty tại Công ty Cổ phần Thiết bị điện Đông Anh tăng từ 41,24% lên 51,00% kể từ ngày này và tỷ lệ biểu quyết của Công ty vẫn là 51,00%.
- Tại ngày 30 tháng 6 năm 2022, Công ty đã hoàn thành việc góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Mua bán Điện GELEX với số tiền là 5.100.000.000 VND tương ứng 51% vốn điều lệ của Công ty này theo Nghị quyết số 10/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 04 năm 2022 của Hội đồng Quản trị.
- Theo Nghị quyết số 04A/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 18 tháng 01 năm 2022 của Hội đồng Quản trị về chủ trương thoái một phần vốn của Công ty tại Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX, ngày 31 tháng 03 năm 2022, Công ty đã hoàn tất thủ tục bán 26.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX tương ứng với 3,29% vốn điều lệ của công ty này cho Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX – bên liên quan của Công ty, thu về số tiền 520 tỷ VND. Theo đó, tỷ lệ lợi ích của Công ty tại Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX giảm từ 22,42% xuống 19,13% kể từ ngày 31 tháng 03 năm 2022 và Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX không còn là công ty liên kết của Công ty kể từ ngày này.
- Theo Nghị quyết số 57/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 27 tháng 12 năm 2022 của Hội đồng Quản trị về việc thông qua phương án chuyển nhượng cổ phần của Công ty tại Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX, Công ty đã hoàn tất thủ tục nhượng lại 40.000.000 cổ phần Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX tương ứng với 5,063% vốn điều lệ của công ty này cho Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX – Công ty mẹ, thu về số tiền 720 tỷ VND. Theo đó, tỷ lệ lợi ích của Công ty tại Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX tiếp tục giảm từ 19,13% xuống 14,06% kể từ ngày này.
- Theo Nghị quyết số 51/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 11 năm 2022 của Hội đồng Quản trị về việc cho ý kiến với Người đại diện tại Mua bán điện GELEX liên quan đến thành lập Công ty Cổ phần Mua bán điện Hưng Yên, Công ty đã chấp thuận với đề xuất Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX góp vốn thành lập Công ty Cổ phần Mua bán điện Hưng Yên với số vốn điều lệ góp là 3.060.000.000 đồng chiếm tỷ lệ 51%. Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2022, Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX vẫn chưa góp vốn vào Công ty Cổ phần Mua bán điện Hưng Yên.

Cấu trúc doanh nghiệp

Thông tin chi tiết về các công ty con mà Công ty có tỷ lệ lợi ích trực tiếp và tỷ lệ biểu quyết tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 như sau:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam ("Cadivi")	Thành phố Hồ Chí Minh	96,35%	96,35%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện
2.	Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM")	Hà Nội	76,70%	76,70%	Sản xuất, chế tạo, sửa chữa, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
3.	Công ty Dây đồng Việt Nam CFT ("CFT")	Đồng Nai	100%	100%	Sản xuất dây đồng và dây tráng thiếc
4.	Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("Thibidi")	Đồng Nai	90,71%	90,71%	Sản xuất, chế tạo, sửa chữa, kinh doanh động cơ điện và thiết bị điện
5.	Công ty Cổ phần Thiết bị Đo điện Hà Nội EMIC ("Emic")	Hà Nội	74,99%	74,99%	Sản xuất và kinh doanh thiết bị đo điện gồm công tơ điện, đồng hồ Volt-Ampe, máy biến dòng, máy biến áp, tủ điện và các sản phẩm khác
6.	Công ty TNHH Phát điện GELEX ("Phát điện GELEX")	Hà Nội	100%	100%	Quản lý các khoản đầu tư trong lĩnh vực sản xuất, truyền tải và phân phối điện
7.	Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị ("GELEX Quảng Trị")	Quảng Trị	100%	100%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện
8.	Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện Đồng Anh ("MEE")	Hà Nội	51,00%	51,00%	Sản xuất và kinh doanh máy biến áp
9.	Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX	Hà Nội	51,00%	51,00%	Truyền tải và phân phối điện

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, một số công ty con của Công ty cũng sở hữu các công ty con, công ty liên kết khác với thông tin cụ thể về tỷ lệ lợi ích trực tiếp và tỷ lệ biểu quyết như sau:

(i) Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Một thành viên Cadivi Đồng Nai ("Cadivi Đồng Nai")	Đồng Nai	100%	100%	Sản xuất kinh doanh dây và cáp điện

(ii) Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH Điện cơ Hà Nội ("HECO")	Thành phố Hồ Chí Minh	100%	100%	Sản xuất, sửa chữa và kinh doanh sản phẩm ngành điện
2.	Công ty TNHH Sản xuất Thiết bị lưới điện G-Power ("G-Power")	Hà Nội	100%	100%	Sản xuất mô tơ, máy phát, biến thế điện, thiết bị phân phối và điều khiển điện

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH S.A.S - CTAMAD ("SAS")	Hà Nội	35,00%	35,00%	Kinh doanh khách sạn và cho thuê văn phòng

(iii) Công ty Cổ phần Thiết bị Điện (Thibidi):

STT	Tên công ty liên kết	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Tổng Công ty Thiết bị Điện Đông Anh – Công ty Cổ phần	Hà Nội	24,95%	24,95%	Kinh doanh máy móc, thiết bị điện, thiết kế công trình điện

(iv) Công ty TNHH Phát điện GELEX:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH MTV Năng lượng GELEX Ninh Thuận ("Gelex Ninh Thuận")	Ninh Thuận	100%	100%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện mặt trời
2.	Công ty Cổ Phần Phú Thạnh Mỹ ("Phú Thạnh Mỹ")	Quảng Nam	73,16%	73,16%	Sản xuất thủy điện

(v) Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty TNHH MTV Mirai Quảng Trị	Quảng Trị	100%	100%	Sản xuất, truyền tải và phân phối điện gió (chưa triển khai dự án)

(vi) Công ty Cổ phần Mua bán Điện GELEX:

STT	Tên công ty con	Nơi thành lập và hoạt động	Tỷ lệ lợi ích trực tiếp	Tỷ lệ quyền biểu quyết	Hoạt động chính
1.	Công ty Cổ phần Mua bán Điện GELEX Hưng Yên	Hà Nội	51,00%	51,00%	Truyền tải và phân phối điện

Thuyết minh về khả năng so sánh thông tin trên báo cáo tài chính riêng

Số liệu so sánh là số liệu của báo cáo tài chính riêng cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2021 của Công ty đã được kiểm toán.

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ NĂM TÀI CHÍNH

Cơ sở lập báo cáo tài chính riêng

Báo cáo tài chính riêng kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam (VND), theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

Báo cáo tài chính riêng kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Công ty cũng đồng thời lập báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022. Người sử dụng báo cáo tài chính nên đọc đồng thời báo cáo tài chính riêng này với báo cáo tài chính hợp nhất cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022 để có đầy đủ thông tin về hoạt động của Công ty.

Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12.

3. TÓM TẮT CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

Sau đây là các chính sách kế toán chủ yếu được Công ty áp dụng trong việc lập báo cáo tài chính riêng:

Ước tính kế toán

Việc lập báo cáo tài chính riêng tuân thủ theo chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính yêu cầu Ban Tổng Giám đốc phải có những ước tính và giả định ảnh hưởng đến số liệu báo cáo về công nợ, tài sản và việc trình bày các khoản công nợ và tài sản tiềm tàng tại ngày lập báo cáo tài chính riêng cũng như các số liệu báo cáo về doanh thu và chi phí trong suốt năm tài chính. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Ban Tổng Giám đốc, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

Các khoản đầu tư tài chính

Các khoản cho vay

Các khoản cho vay được xác định theo giá gốc trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi. Dự phòng phải thu khó đòi các khoản cho vay của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho của Công ty được trích lập theo các quy định kế toán hiện hành. Theo đó, Công ty được phép trích lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho lỗi thời, hỏng, kém phẩm chất và trong trường hợp giá gốc của hàng tồn kho cao hơn giá trị thuần có thể thực hiện được tại ngày kết thúc niên độ kế toán.

Tài sản cố định hữu hình và khấu hao

Tài sản cố định hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

	Số năm
Máy móc và thiết bị	03 - 05
Phương tiện vận tải	10
Thiết bị văn phòng	02 - 05

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Tài sản cố định vô hình và hao mòn

Tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo nguyên giá trừ đi hao mòn lũy kế.

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm giá mua và những chi phí khác có liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sử dụng.

Tài sản cố định vô hình là phần mềm máy tính được khấu hao trong 5 năm.

Các khoản lãi, lỗ phát sinh khi thanh lý, bán tài sản là chênh lệch giữa thu nhập từ thanh lý và giá trị còn lại của tài sản và được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Thuê tài sản

Một khoản thuê được xem là thuê hoạt động khi bên cho thuê vẫn được hưởng phần lớn các quyền lợi và phải chịu rủi ro về quyền sở hữu tài sản. Chi phí thuê hoạt động được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê. Các khoản tiền nhận được hoặc phải thu nhằm tạo điều kiện ký kết hợp đồng thuê hoạt động cũng được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian thuê.

11/01/2011

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản trị hoặc cho bất kỳ mục đích nào khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Việc tính khấu hao của các tài sản này được áp dụng giống như với các tài sản khác, bắt đầu từ khi tài sản ở vào trạng thái sẵn sàng sử dụng.

Các khoản trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước bao gồm giá trị công cụ, dụng cụ xuất dùng, phí cam kết rút vốn, tiền lãi mua hàng trả chậm, phí chấp nhận thanh toán LC và các khoản chi phí trả trước khác

Công cụ, dụng cụ xuất dùng bao gồm thiết bị văn phòng đã xuất dùng. Các chi phí này được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Chi phí nội thất văn phòng bao gồm các đồ nội thất, trang thiết bị trang trí được phân bổ trong vòng 3 năm theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Phí cam kết rút vốn được phân bổ theo thời hạn khoản vay trong thời gian 3 năm theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Tiền lãi do mua trả chậm nguyên vật liệu thực tế phát sinh được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng giữa niên độ theo thời gian được chậm trả nhưng phân bổ không quá 01 năm.

Phí chấp nhận thanh toán LC được phân bổ theo thời hạn thanh toán với nhà cung cấp thường là 6 tháng theo phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Các khoản chi phí trả trước khác bao gồm dịch vụ công nghệ thông tin trả trước và các khoản khác. Các chi phí này được vốn hóa dưới hình thức các khoản trả trước và được phân bổ vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, sử dụng phương pháp đường thẳng theo các quy định kế toán hiện hành.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

Ghi nhận doanh thu

Đối với bán hàng hóa

Doanh thu bán hàng được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn tất cả năm (5) điều kiện sau:

- (a) Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua;
- (b) Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa;
- (c) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;

- (d) Công ty sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng; và
- (e) Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Đối với cung cấp dịch vụ

Doanh thu của giao dịch về cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp giao dịch về cung cấp dịch vụ liên quan đến nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ theo kết quả phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán của kỳ đó. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả bốn (4) điều kiện sau:

- (a) Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn;
- (b) Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó;
- (c) Xác định được phần công việc đã hoàn thành tại ngày của Bảng cân đối kế toán;
- (d) Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Cổ tức

Doanh thu được ghi nhận khi quyền được nhận khoản thanh toán cổ tức của Công ty được xác lập.

Ngoại tệ

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được chuyển đổi theo tỷ giá tại ngày phát sinh nghiệp vụ. Số dư các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ tại ngày kết thúc niên độ kế toán được chuyển đổi theo tỷ giá của ngân hàng thương mại nợ Công ty thường xuyên có giao dịch tại ngày này. Chênh lệch tỷ giá phát sinh được hạch toán vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

Chi phí đi vay

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh trong năm khi phát sinh, trừ khi được vốn hoá theo quy định của Chuẩn mực kế toán Việt Nam số 16 "Chi phí đi vay". Theo đó, chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được cộng vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng.

Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp thể hiện tổng giá trị của số thuế phải trả hiện tại và số thuế hoãn lại.

Số thuế phải trả hiện tại được tính dựa trên thu nhập chịu thuế trong năm. Thu nhập chịu thuế khác với lợi nhuận trước thuế được trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh vì thu nhập chịu thuế không bao gồm các khoản thu nhập hay chi phí tính thuế hoặc được khấu trừ trong các năm khác (bao gồm cả lỗ mang sang, nếu có) và ngoài ra không bao gồm các chỉ tiêu không chịu thuế hoặc không được khấu trừ. Công ty có nghĩa vụ nộp thuế thu nhập doanh nghiệp theo thuế suất 20% tính trên thu nhập chịu thuế.

Thuế thu nhập hoãn lại được tính trên các khoản chênh lệch giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản hoặc công nợ trên báo cáo tài chính và được ghi nhận theo phương pháp Bảng cân đối kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả phải được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời còn tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế trong tương lai để khấu trừ các khoản chênh lệch tạm thời.

Thuế thu nhập hoãn lại được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó có liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi Công ty có quyền hợp pháp để bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp và khi các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả liên quan tới thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế và Công ty có dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuận.

Các khoản lỗ về thuế sẽ được kiểm tra và phê duyệt bởi cơ quan thuế địa phương và có thể được kết chuyển sang các năm sau để bù trừ với lợi nhuận tính thuế của Công ty nhưng không quá 5 năm tiếp theo kể từ năm phát sinh lỗ tính thuế. Công ty không có tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại nào được ghi nhận liên quan đến khoản lỗ tính thuế này do không chắc chắn về khả năng thực hiện trong tương lai.

Việc xác định thuế thu nhập của Công ty căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và việc xác định sau cùng về thuế thu nhập doanh nghiệp tùy thuộc vào kết quả kiểm tra của cơ quan thuế có thẩm quyền.

Các loại thuế khác được áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

4. TIỀN

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	<u>VND</u>	<u>VND</u>
Tiền mặt	631.780.740	128.228.760
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	16.497.568.262	577.715.864.952
	<u>17.129.349.002</u>	<u>577.844.093.712</u>

5. PHẢI THU NGẮN HẠN CỦA KHÁCH HÀNG

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	97.557.026.424	359.156.275.369
Công ty TNHH MTV Điện lực Hải Dương - Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	12.682.969.360	14.955.571.600
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	6.151.377.956	31.374.269.177
Tổng Công ty Điện lực Thành phố Hồ Chí Minh	-	11.853.543.350
Các khoản phải thu khách hàng khác	7.391.096.253	37.920.980.765
	123.782.469.993	455.260.640.261
Trong đó:		
Phải thu ngắn hạn của khách hàng là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	109.509.154.130	403.990.217.658

6. TRẢ TRƯỚC CHO NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
GLENCORE INTERNATIONAL AG	7.842.049.650	-
BH MINERALS CO., LIMITED	4.383.582.750	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	1.048.512.697	-
Các khoản trả trước khác	1.121.208.050	453.049.000
	14.395.353.147	453.049.000
Trong đó:		
Trả trước cho người bán ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	1.048.512.697	-

7. PHẢI THU VỀ CHO VAY

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT (i)	400.000.000.000	-
	400.000.000.000	-
b. Dài hạn		
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	-	300.000.000.000
	-	300.000.000.000
Trong đó:		
Phải thu về cho vay bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	400.000.000.000	300.000.000.000

- (i) Phản ánh khoản phải thu về cho vay (không có tài sản đảm bảo) với Công ty Dây đồng Việt Nam CFT theo Hợp đồng vay vốn số 01/2022/HĐVV/GEE-CFT ngày 03 tháng 11 năm 2022 với lãi suất cho vay là 9%/năm. Khoản cho vay có thời hạn là 6 tháng tính từ ngày 03 tháng 11 năm 2022 đến ngày 03 tháng 5 năm 2023. Toàn bộ lãi cho vay và gốc cho vay sẽ được thanh toán vào cuối thời hạn của khoản cho vay hoặc theo thỏa thuận cụ thể giữa các bên.

8. PHẢI THU KHÁC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Tiền phong tỏa để chào mua công khai cổ phiếu THI (i)	115.652.725.500	-
Tiền phong tỏa để chào mua công khai cổ phiếu CAV (i)	115.543.725.000	-
Phải thu về lãi cho vay	5.819.178.083	-
Tạm ứng	50.000.000	500.000
Phải thu về cổ tức được chia	-	39.464.599.000
Phải thu tiền bán chứng khoán kinh doanh	-	6.895.636.466
Các khoản phải thu khác	319.923.757	-
	237.385.552.340	46.360.735.466
b. Dài hạn		
Ký cược, ký quỹ	10.000.000	-
	10.000.000	-
Trong đó:		
Phải thu khác là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	5.819.178.083	39.464.599.000

- (i) Phản ánh khoản tiền tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Sở giao dịch 1 được phong tỏa để thanh toán tiền mua cổ phiếu Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam (mã chứng khoán: CAV) và cổ phiếu Công ty Cổ phần Thiết bị Điện (mã chứng khoán: THI) trong đợt chào mua công khai theo Bản công bố thông tin chào mua công khai ngày 08 tháng 12 năm 2022 của Công ty gửi Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.

9. CHI PHÍ TRẢ TRƯỚC

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
a. Ngắn hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	2.908.333	17.850.002
Lãi mua hàng trả chậm	820.124.518	-
Chi phí trả trước liên quan đến các khoản LC và khoản vay	175.862.391	-
Chi phí trả trước ngắn hạn khác	678.156.490	20.000.000
	1.677.051.732	37.850.002
b. Dài hạn		
Công cụ, dụng cụ xuất dùng	157.533.862	206.988.567
Phí trả trước liên quan đến các khoản vay	5.739.641.577	3.000.000.000
Chi phí nội thất văn phòng	6.118.819.638	15.832.565
Chi phí trả trước dài hạn khác	138.644.957	-
	12.154.640.034	3.222.821.132
Cộng	13.831.691.766	3.260.671.134

10. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH HỮU HÌNH

	Máy móc và thiết bị VND	Phương tiện vận tải VND	Thiết bị văn phòng VND	Tổng VND
NGUYÊN GIÁ				
Số dư đầu năm	35.922.250	3.141.600.000	33.800.000	3.211.322.250
Tăng trong kỳ	137.600.000	-	1.936.640.469	2.074.240.469
Số dư cuối năm	173.522.250	3.141.600.000	1.970.440.469	5.285.562.719
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ				
Số dư đầu năm	35.922.250	1.675.520.000	33.800.000	1.745.242.250
Khấu hao trong năm	4.361.667	314.160.000	64.554.683	383.076.350
Số dư cuối năm	40.283.917	1.989.680.000	98.354.683	2.128.318.600
GIÁ TRỊ CÒN LẠI				
Tại ngày đầu năm	-	1.466.080.000	-	1.466.080.000
Tại ngày cuối năm	133.238.333	1.151.920.000	1.872.085.786	3.157.244.119

Nguyên giá của tài sản cố định hữu hình bao gồm các tài sản cố định đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với giá trị là 69.722.250 VND (ngày 31 tháng 12 năm 2021: 69.722.250 VND).

11. TĂNG, GIẢM TÀI SẢN CỐ ĐỊNH VÔ HÌNH

	Phần mềm máy tính
	<u>VND</u>
NGUYÊN GIÁ	
Số dư đầu năm	88.400.000
Tăng trong năm	6.194.352.000
Số dư cuối năm	<u>6.282.752.000</u>
GIÁ TRỊ HAO MÒN LŨY KẾ	
Số dư đầu năm	88.400.000
Hao mòn trong năm	416.696.226
Giảm khác	202.738.974
Số dư cuối năm	<u>707.835.200</u>
GIÁ TRỊ CÒN LẠI	
Tại ngày đầu năm	<u>-</u>
Tại ngày cuối năm	<u>5.574.916.800</u>

Nguyên giá của tài sản cố định vô hình bao gồm các tài sản cố định đã hao mòn hết nhưng vẫn còn sử dụng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 với giá trị là 88.400.000 VND (tại ngày 31 tháng 12 năm 2021: 88.400.000 VND).

12. CHI PHÍ XÂY DỰNG CƠ BẢN DỜ DANG

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Dự án xây dựng phần mềm SAP	3.287.514.170	5.283.018.727
	<u>3.287.514.170</u>	<u>5.283.018.727</u>

13. ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số cuối năm			Số đầu năm		
	VND			VND		
	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý	Giá gốc	Dự phòng	Giá trị hợp lý
Đầu tư vào công ty con	5.798.868.150.428	(128.085.901.810)	5.371.872.480.962	(10.387.356.283)		
Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (i)	1.610.855.369.317	-	2.769.431.750.000	1.611.555.369.317	-	3.301.162.646.000
Công ty Cổ phần Thiết bị điện (i)	893.009.089.824	-	1.139.813.424.250	753.600.289.824	-	1.211.563.189.300
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội (ii)	332.061.707.611	-	768.839.324.400	332.061.707.611	-	433.399.773.600
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	112.485.000.000	-	(iii)	112.485.000.000	-	(iii)
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	405.644.952.503	-	(iii)	405.644.952.503	-	(iii)
Công ty TNHH Phát điện GELEX	882.715.444.864	-	(iii)	886.175.161.707	-	(iii)
Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị	1.270.350.000.000	(127.734.593.349)	(iii)	1.270.350.000.000	(10.387.356.283)	(iii)
Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh	286.646.586.309	-	(iii)	-	-	(iii)
Công ty Cổ phần Mua bán Điện GELEX	5.100.000.000	(351.308.461)	(iii)	-	-	(iii)
Đầu tư vào công ty liên kết	-	-	1.771.644.295.436	-	-	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	-	-	1.771.644.295.436	-	-	(iii)
Đầu tư vào đơn vị khác	1.111.361.869.099	-	-	-	-	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	1.111.361.869.099	-	(iii)	-	-	-
	6.910.230.019.527	(128.085.901.810)	- 7.143.516.776.398	(10.387.356.283)		-

- (i) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định căn cứ vào giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn chứng khoán HOSE tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.
- (ii) Giá trị hợp lý của khoản đầu tư được xác định căn cứ vào giá đóng cửa của cổ phiếu trên sàn UpCoM tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và ngày 31 tháng 12 năm 2021.
- (iii) Công ty chưa xác định được giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính này tại ngày kết thúc năm tài chính do các quy định hiện hành chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư tài chính vào các công ty chưa niêm yết này.

Một số cổ phần được sử dụng làm tài sản đảm bảo cho các khoản vay của công ty khác trong Tập đoàn cụ thể như sau:

Công ty đang dùng 15.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CAV) do Công ty sở hữu để làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu do Công ty Cổ phần Thiết bị Điện phát hành.

Công ty đang dùng 34.436.985 cổ phần của Công ty Cổ phần Dây cáp điện Việt Nam (CAV) và 18.000.000 cổ phần của Công ty Cổ phần Thiết bị Điện (THI) do Công ty sở hữu để làm tài sản đảm bảo cho trái phiếu do Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX phát hành.

Tình hình hoạt động của các công ty con trong năm như sau:

Công ty con	Năm nay		Năm trước	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam ("Cadivi")	Hoạt động kinh doanh có lãi		Hoạt động kinh doanh có lãi	
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện ("Thibidi")	Hoạt động kinh doanh có lãi		Hoạt động kinh doanh có lãi	
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội ("HEM")	Hoạt động kinh doanh có lãi		Hoạt động kinh doanh có lãi	
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC ("Emic")	Hoạt động kinh doanh có lãi		Hoạt động kinh doanh có lãi	
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT ("CFT")	Hoạt động kinh doanh lỗ		Hoạt động kinh doanh có lãi	
Công ty TNHH Phát điện GELEX ("Phát điện GELEX")	Hoạt động kinh doanh có lãi		Hoạt động kinh doanh có lãi	
Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị ("GELEX Quảng Trị")	Hoạt động kinh doanh lỗ		Hoạt động kinh doanh lỗ	
Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh ("MEE")	Hoạt động kinh doanh có lãi		Chưa là công ty con trực tiếp	
Công ty Cổ phần Mua bán Điện GELEX	Đang trong quá trình triển khai dự án		Chưa thành lập	

Các giao dịch chủ yếu giữa Công ty và các công ty con trong năm được trình bày tại Thuyết minh số 30.

14. PHẢI TRẢ NGƯỜI BÁN NGẮN HẠN

	Số cuối năm		Số đầu năm	
	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ	Giá trị VND	Số có khả năng trả nợ
TOYOTA TSUSHO ASIA PACIFIC PTE. LTD.	135.644.531.790	135.644.531.790	-	-
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	16.268.833.756	16.268.833.756	46.765.562.169	46.765.562.169
Công ty TNHH Dongnam Petrovina	-	-	7.035.155.050	7.035.155.050
Công ty TNHH Thép JFE SHOJI Việt Nam	-	-	4.615.482.934	4.615.482.934
Công ty Cổ phần Ngô Han	1.469.267.505	1.469.267.505	1.796.719.740	1.796.719.740
Phải trả các đối tượng khác	1.841.500.178	1.841.500.178	3.509.700.818	3.509.700.818
	155.224.133.229	155.224.133.229	63.722.620.711	63.722.620.711

Trong đó:

Phải trả người bán ngắn hạn là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	16.278.203.947	16.278.203.947	47.400.380.238	47.400.380.238
---	----------------	----------------	----------------	----------------

15. NGƯỜI MUA TRẢ TIỀN TRƯỚC NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Công ty cổ phần sản xuất Thiết bị điện Đông Anh	5.004.153.000	-
Tổng Công ty Điện lực Miền Bắc	-	32.439.641.000
Khác	-	664.038.600
	5.004.153.000	33.103.679.600

Trong đó:

Người mua trả tiền trước ngắn hạn là các bên liên quan (chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	5.004.153.000	-
---	---------------	---

16. THUẾ VÀ CÁC KHOẢN PHẢI THU/PHẢI NỘP NHÀ NƯỚC

	Số đầu năm	Số đã thực nộp trong năm	Số phải nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
a. Các khoản phải thu				
Thuế thu nhập doanh nghiệp	254.361.769	-	-	254.361.769
Thuế giá trị gia tăng	-	11.519.304.307	-	11.519.304.307
	254.361.769	11.519.304.307	-	11.773.666.076

	Số đầu năm	Số phải nộp trong năm	Số đã thực nộp trong năm	Số cuối năm
	VND	VND	VND	VND
b. Các khoản phải nộp				
Thuế giá trị gia tăng	-	170.013.665.297	170.013.665.297	-
Thuế thu nhập cá nhân	102.709.564	4.778.593.462	4.078.113.935	803.189.091
Các loại thuế khác	-	86.452.066	86.452.066	-
	102.709.564	174.878.710.825	174.178.231.298	803.189.091

17. CHI PHÍ PHẢI TRẢ NGẮN HẠN

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
Lãi trái phiếu	-	19.912.663.014
Lãi vay phải trả	10.776.058.772	9.624.648.690
Phí thư tín dụng (LC) phải trả ngân hàng	615.304.171	2.435.750.698
Khác	309.316.200	594.000.000
	11.700.679.143	32.567.062.402

Trong đó:

Chi phí phải trả ngắn hạn cho các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	3.287.671	300.000.000
--	-----------	-------------

18. PHẢI TRẢ KHÁC

	Số cuối năm	Số đầu năm
	VND	VND
a. Ngắn hạn		
Dư nợ thư tín dụng (LC)	771.079.413.536	808.565.277.021
Nhận đặt cọc (i)	200.000.000.000	300.000.000.000
Chi phí lãi vay	13.444.383.562	-
Cổ tức phải trả	115.760.000	-
Các khoản phải trả, phải nộp khác	10.130.000	57.738.391
	984.649.687.098	1.108.623.015.412
b. Dài hạn		
Các khoản phải trả, phải nộp khác	3.287.514.170	-
	3.287.514.170	-
Trong đó:		
Phải trả khác là các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	216.731.897.732	300.000.000.000

(i) Phản ánh khoản nhận đặc cọc từ Công ty Cổ phần Thiết bị Điện với lãi suất 9%/năm.

19. VAY VÀ NỢ THUÊ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN

	Số đầu năm			Trong năm		Số cuối năm		
	Giá trị	VND		VND		Giá trị	VND	
Vay ngắn hạn		Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm		Số có khả năng trả nợ		
Vay ngân hàng (i)	401.439.253.484	401.439.253.484	186.676.396.775	528.960.440.093	59.155.210.166	59.155.210.166		
Vay ngắn hạn các bên liên quan (Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)	-	-	750.000.000.000	660.000.000.000	90.000.000.000	90.000.000.000		
	401.439.253.484	401.439.253.484	936.676.396.775	1.188.960.440.093	149.155.210.166	149.155.210.166		
Vay dài hạn đến hạn trả								
Vay dài hạn đến hạn trả ngân hàng	167.641.154.329	167.641.154.329	521.982.434.129	229.874.529.486	459.749.058.972	459.749.058.972		
Trái phiếu đến hạn thanh toán	217.706.007.910	217.706.007.910	-	217.706.007.910	-	-		
	385.347.162.239	385.347.162.239	521.982.434.129	447.580.537.396	459.749.058.972	459.749.058.972		
	786.786.415.723	786.786.415.723	1.458.658.830.904	1.636.540.977.489	608.904.269.138	608.904.269.138		

(i) Thông tin chi tiết liên quan đến các khoản vay ngân hàng tại thời điểm cuối năm:

Bên cho vay	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
	VND	VND		%/năm		
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Sở Giao dịch 1	-	91.439.253.484				
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Hội sở chính	-	310.000.000.000				
Ngân hàng Sinopac - Chi nhánh Thành phố Hồ Chí Minh	59.155.210.166	-	Khế ước cuối cùng thanh toán ngày 25 tháng 04 năm 2023	5,75 - 8,85	Thanh toán tiền mua hàng hóa	Hợp đồng bảo lãnh vay vốn số 221007-HDBL ngày 26 tháng 7 năm 2022 giữa CTCP Tập đoàn GELEX và Ngân hàng Sinopac
	59.155.210.166	401.439.253.484				

20. VAY VÀ NỢ THUẾ TÀI CHÍNH DÀI HẠN

	Số đầu năm		Trong năm		Số cuối năm	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Tăng	Giảm	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
		VND		VND		VND
Vay ngân hàng (i)	1.090.000.000.000	1.090.000.000.000	496.000.000.000	229.874.529.486	1.356.125.470.514	1.356.125.470.514
Vay bên liên quan	800.000.000.000	800.000.000.000	880.000.000.000	1.000.000.000.000	680.000.000.000	680.000.000.000
(Chi tiết trình bày tại Thuyết minh số 30)						
Trái phiếu	859.164.151.857	859.164.151.857	10.835.848.143	870.000.000.000	-	-
	2.749.164.151.857	2.749.164.151.857	1.386.835.848.143	2.099.874.529.486	2.036.125.470.514	2.036.125.470.514
Chi tiết:						
Số phải trả trong vòng 12 tháng	385.347.162.239	385.347.162.239			459.749.058.972	459.749.058.972
Số phải trả sau 12 tháng	2.363.816.989.618	2.363.816.989.618			1.576.376.411.542	1.576.376.411.542

(i) Chi tiết vay ngân hàng tại thời điểm cuối năm:

Bên cho vay	Số dư cuối năm	Số dư đầu năm	Ngày đáo hạn	Lãi suất	Mục đích vay	Tài sản đảm bảo
	VND	VND		(%/năm)		
Ngân hàng TMCP Kỹ thương Việt Nam - Hội sở chính	1.356.125.470.514	1.090.000.000.000	Khế ước cuối cùng đáo hạn ngày 31 tháng 12 năm 2024	8,52 - 8,54	Tài trợ khoản vốn để tái cấu trúc doanh nghiệp	114.000.000 Cổ phiếu VGC (Tổng Công ty Viglacera – CTCP) thuộc sở hữu của Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX. 10.000.000 Cổ phiếu THI (Công ty cổ phần Thiết bị điện) thuộc sở hữu của Công ty.
	1.356.125.470.514	1.090.000.000.000				
- Số phải trả trong vòng 12 tháng	459.749.058.972	167.641.154.329				
- Số phải trả sau 12 tháng	896.376.411.542	922.358.845.671				

Lịch trả nợ các khoản vay dài hạn được trình bày như sau:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Trong vòng một năm	459.749.058.972	387.641.154.329
Trong năm thứ hai	1.496.376.411.542	1.135.282.308.658
Từ năm thứ ba đến năm thứ năm	80.000.000.000	1.237.076.537.013
	<u>2.036.125.470.514</u>	<u>2.760.000.000.000</u>

21. VỐN CHỦ SỞ HỮU

Thay đổi trong vốn chủ sở hữu:

	Vốn góp của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Tổng cộng
	VND	VND	VND	VND	VND
Số dư đầu năm trước	2.218.700.000.000	-	5.000.000.000	26.564.916.987	2.250.264.916.987
Tăng vốn trong năm	781.300.000.000	835.287.500.000	-	-	1.616.587.500.000
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	376.470.639.769	376.470.639.769
Chia cổ tức	-	-	-	(110.935.000.000)	(110.935.000.000)
Số dư cuối năm trước	3.000.000.000.000	835.287.500.000	5.000.000.000	292.100.556.756	4.132.388.056.756
Số dư đầu năm nay	3.000.000.000.000	835.287.500.000	5.000.000.000	292.100.556.756	4.132.388.056.756
Lợi nhuận trong năm	-	-	-	912.546.851.205	912.546.851.205
Cổ tức công bố (i)	-	-	-	(780.000.000.000)	(780.000.000.000)
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi (ii)	-	-	-	(500.000.000)	(500.000.000)
Số dư cuối năm nay	3.000.000.000.000	835.287.500.000	5.000.000.000	424.147.407.961	4.264.434.907.961

(i) Cổ tức công bố trong năm bao gồm:

- Cổ tức năm 2021 được Công ty chi trả theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022, Nghị quyết của Hội đồng Quản trị số 20/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 19 tháng 4 năm 2022 và số 22/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 26 tháng 5 năm 2022.
- Cổ tức tạm ứng đợt 1 năm 2022 được Công ty thực hiện tạm ứng theo Nghị quyết Hội đồng Quản trị số 48/2022/GE/NQ-HĐQT ngày 24 tháng 11 năm 2022.

(ii) Trích quỹ khen thưởng phúc lợi với số tiền 500.000.000 VND từ lợi nhuận sau thuế năm 2021 theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông số 01/NQ-ĐHĐCĐ ngày 15 tháng 4 năm 2022.

Cổ phiếu

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Số lượng cổ phiếu đã bán ra công chúng	300.000.000	300.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>300.000.000</i>	<i>300.000.000</i>
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	300.000.000	300.000.000
<i>Cổ phiếu phổ thông</i>	<i>300.000.000</i>	<i>300.000.000</i>

Cổ phiếu phổ thông có mệnh giá 10.000 VND/cổ phiếu.

Vốn điều lệ

Theo Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp điều chỉnh lần thứ 9 ngày 15 tháng 11 năm 2022, vốn điều lệ của Công ty là 3.000.000.000.000 VND. Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, vốn điều lệ đã được các cổ đông góp đủ. Chi tiết như sau:

	Vốn đã góp			
	<u>Số cuối năm</u>		<u>Số đầu năm</u>	
	VND	%	VND	%
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	2.399.956.000.000	80,0%	2.399.956.000.000	80,0%
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	165.000.000.000	5,5%	165.000.000.000	5,5%
Các cổ đông khác	435.044.000.000	14,5%	435.044.000.000	14,5%
	3.000.000.000.000	100%	3.000.000.000.000	100%

22. CÁC KHOẢN MỤC NGOÀI BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Ngoại tệ các loại:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
Đô la Mỹ	1.038,83	1.825,28

Tài sản thuê ngoài:

	<u>Số cuối năm</u>	<u>Số đầu năm</u>
	VND	VND
Từ 1 năm trở xuống	3.763.711.601	1.839.711.600
Trên 1 năm đến 5 năm	15.054.846.404	1.272.467.190
	18.818.558.005	3.112.178.790

Cam kết về bảo lãnh

Tại ngày 31 tháng 12 năm 2022, Công ty đã bảo lãnh cho một số khoản vay của Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC, Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội và Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị - các công ty con của Công ty với số tiền tối đa bằng số nợ gốc mà ngân hàng sẽ giải ngân cho các công ty con này với số tiền lần lượt là 500 tỷ VND, 464,5 tỷ VND và 2.326 tỷ VND.

23. DOANH THU BÁN HÀNG VÀ CUNG CẤP DỊCH VỤ

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng hóa	2.586.149.679.211	2.878.599.309.327
Doanh thu cung cấp dịch vụ	684.000.000	-
	2.586.833.679.211	2.878.599.309.327
Trong đó:		
Doanh thu với các bên liên quan (chi tiết tại Thuyết minh số 30)	1.827.824.217.211	1.870.480.176.827

24. GIÁ VỐN HÀNG BÁN VÀ DỊCH VỤ CUNG CẤP

	Năm nay VND	Năm trước VND
Giá vốn bán hàng hóa	2.558.618.023.386	2.837.698.929.262
	2.558.618.023.386	2.837.698.929.262

25. DOANH THU HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cổ tức, lợi nhuận được chia	741.333.194.657	520.558.284.000
Lãi bán các khoản đầu tư	579.381.173.663	-
Lãi tiền gửi, lãi cho vay	29.896.333.667	53.387.664.708
Lãi kinh doanh chứng khoán	1.553.445.752	52.570.569.570
Lãi bán hàng trả chậm	7.979.823.799	37.818.733.345
Lãi chênh lệch tỷ giá	3.974.281.682	4.958.567.780
	1.364.118.253.220	669.293.819.403

26. CHI PHÍ TÀI CHÍNH

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lãi tiền vay	229.348.020.218	237.579.558.514
Dự phòng tổn thất đầu tư	117.698.545.527	10.387.356.283
Lãi nhận ký quỹ	28.980.821.919	4.241.095.890
Phí LC UPAS	23.287.201.463	25.031.754.545
Lỗ chênh lệch tỷ giá	20.203.841.053	2.968.036.283
Chi phí phát hành trái phiếu phân bổ	10.835.848.143	11.095.737.160
Lỗ kinh doanh chứng khoán	-	7.545.805.824
Chiết khấu thanh toán, lãi mua hàng trả chậm, Phí chấp nhận thanh toán chứng từ	8.912.162.479	1.741.269.379
Các chi phí liên quan đến khoản vay	2.220.358.423	7.900.000.000
Chi phí tài chính khác	750.090.189	805.819.694
	442.236.889.414	309.296.433.572

27. CHI PHÍ BÁN HÀNG VÀ CHI PHÍ QUẢN LÝ DOANH NGHIỆP

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí bán hàng phát sinh trong năm		
Chi phí nhân viên	1.788.370.241	576.481.815
Chi phí dịch vụ mua ngoài	4.851.012.069	7.033.642.913
Chi phí khác bằng tiền	637.569.762	316.796.064
	7.276.952.072	7.926.920.792
Chi phí quản lý doanh nghiệp phát sinh trong năm		
Chi phí nhân công	18.534.990.088	7.661.094.973
Chi phí khấu hao tài sản cố định	799.772.576	314.160.000
Chi phí nguyên vật liệu	146.506.964	25.446.602
Chi phí dịch vụ mua ngoài	7.707.422.680	4.634.697.847
Chi phí khác bằng tiền	3.084.524.046	3.795.832.883
	30.273.216.354	16.431.232.305

28. CHI PHÍ SẢN XUẤT KINH DOANH THEO YẾU TỐ

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Chi phí nhân công	20.323.360.329	8.237.576.788
Chi phí khấu hao tài sản cố định	799.772.576	314.160.000
Chi phí nguyên vật liệu	146.506.964	25.446.602
Chi phí dịch vụ mua ngoài	12.609.020.449	11.685.136.824
Chi phí khác bằng tiền	3.671.508.108	4.095.832.883
	37.550.168.426	24.358.153.097

29. CHI PHÍ THUẾ THU NHẬP DOANH NGHIỆP HIỆN HÀNH

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành trong năm được tính như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Lợi nhuận trước thuế	912.546.851.205	376.470.639.769
Điều chỉnh cho thu nhập chịu thuế	(838.528.327.063)	(503.849.929.775)
Cộng các khoản điều chỉnh tăng:	3.201.124.350	16.955.521.027
- Chi phí lãi vay thuần không được khấu trừ trong năm nay	-	15.898.885.734
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm nay	241.169.038	198.574.123
- Chi phí khấu hao xe ô tô không được trừ	154.160.000	154.160.000
- Thù lao HĐQT không chuyên trách	640.000.000	-
- Các chi phí không được trừ khác	2.165.795.312	703.901.170
Trừ các khoản điều chỉnh giảm:	841.729.451.413	520.805.450.802
- Thu nhập không chịu thuế	741.333.194.657	520.558.284.000
- Chi phí lãi vay các năm trước không được trừ được mang sang	100.197.682.633	-
- Lỗ đánh giá lại ngoại tệ cuối năm trước	198.574.123	103.593.812
- Các khoản điều chỉnh giảm khác	-	143.572.990
Lỗ các năm trước chuyển sang	(74.018.524.142)	-
Thu nhập/(Lỗ) tính thuế	-	(127.379.290.006)
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	-	-

Chi tiết lỗ tính thuế được chuyển như sau:

Năm phát sinh	Có thể chuyển lỗ đến năm	Đã chuyển lỗ đến ngày		Chưa chuyển lỗ tại	
		Lỗ tính thuế	31 tháng 12 năm 2022	Không được chuyển lỗ	31 tháng 12 năm 2022
		VND	VND		VND
2019	2024	15.330.193.828	(15.330.193.828)	-	-
2020	2025	86.411.008.014	(58.688.330.314)	-	27.722.677.700
2021	2026	127.379.290.006	-	2.968.767.123	124.410.522.883
		<u>229.120.491.848</u>	<u>(74.018.524.142)</u>	<u>2.968.767.123</u>	<u>152.133.200.583</u>

(*) Số lỗ không được chuyển theo biên bản thanh tra ngày 28 tháng 9 năm 2022.

Do việc áp dụng luật và các quy định về thuế đối với các doanh nghiệp đối với các loại nghiệp vụ khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính riêng có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

30. NGHIỆP VỤ VÀ SỐ DƯ VỚI CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan có giao dịch và số dư chủ yếu trong năm:

<u>Bên liên quan</u>	<u>Mối quan hệ</u>
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	Công ty con
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	Công ty con
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	Công ty con
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	Công ty con
Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị	Công ty con
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	Công ty con
Công ty TNHH Phát điện GELEX	Công ty con
Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX	Công ty con
Công ty Cổ phần Sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh	Công ty con
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	Công ty con gián tiếp
Công ty TNHH Điện cơ Hà Nội	Công ty con gián tiếp
Công ty Cổ phần Kinh doanh Gạch ốp lát Viglacera	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	Cổ đông lớn/Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần GVI	Bên liên quan của thành viên HĐQT

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	1.827.824.217.211	1.870.480.176.827
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	1.416.838.731.796	91.435.663.812
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	305.154.087.986	1.652.103.093.616
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	73.239.102.075	70.855.520.211
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	21.746.291.041	40.121.089.652
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	10.270.004.313	15.964.809.536
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	360.000.000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	180.000.000	-
Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	36.000.000	-
Giá trị mua hàng và dịch vụ cung cấp	746.392.180.293	984.173.338.386
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	742.817.959.550	978.900.614.275
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	-	2.276.341.256
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	2.702.580.406	2.095.001.234
Công ty cổ phần Chứng khoán VIX	158.206.879	901.381.621
Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	552.901.554	-
Công ty cổ phần kinh doanh gạch ốp lát Viglacera	160.531.904	-
Thu hộ, chi hộ chi phí	1.084.246.029	-
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	549.956.373	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	305.253.156	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	76.345.500	-
Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam	76.345.500	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	76.345.500	-

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau (Tiếp theo):

	Năm nay VND	Năm trước VND
Cho vay	400.000.000.000	1.080.000.000.000
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	400.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	780.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	-	300.000.000.000
Đi vay	1.630.000.000.000	2.566.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	1.360.000.000.000	2.566.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	120.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	100.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	20.000.000.000	-
Công ty TNHH Phát điện GELEX	30.000.000.000	-
Thu hồi gốc cho vay	300.000.000.000	780.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	300.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	780.000.000.000
Trả gốc vay	1.660.000.000.000	2.254.104.346.054
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	1.560.000.000.000	2.254.104.346.054
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	100.000.000.000	-
Lãi cho vay	8.367.123.288	7.533.068.492
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	5.819.178.083	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	2.547.945.205	3.698.630.137
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	3.834.438.355
Lãi đi vay	43.473.561.642	58.110.470.560
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	32.935.753.423	58.110.470.560
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	4.975.342.468	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	2.897.260.273	-
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	1.494.794.520	-
Công ty TNHH Phát điện GELEX	1.170.410.958	-
Nhận góp vốn	-	181.300.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	181.300.000.000
Cổ tức đã trả	686.388.560.000	110.932.800.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	623.988.560.000	110.932.800.000
Công ty Cổ phần Máy tính - Truyền thông - Điều khiển 3C	42.900.000.000	-
Công ty Cổ phần GVI	19.500.000.000	-
Nhận đặt cọc mua vật tư	400.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	400.000.000.000	-

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau (Tiếp theo):

	Năm nay	Năm trước
	VND	VND
Trả đặt cọc mua vật tư	500.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	500.000.000.000	-
Lãi đặt cọc mua vật tư phải trả	28.980.821.919	4.241.095.890
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	28.980.821.919	2.712.328.767
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	-	1.528.767.123
Thu tiền chuyển nhượng cổ phần	1.240.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	720.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	520.000.000.000	-
Lãi bán hàng trả chậm	7.979.823.799	37.818.733.345
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	3.445.849.060	37.818.733.345
Công ty TNHH MTV Cadivi Đồng Nai	4.533.974.739	-
Lãi trái phiếu thương mại	30.205.479.000	-
Công ty cổ phần Chứng khoán VIX	30.205.479.000	-
Góp vốn	5.100.000.000	2.087.944.295.436
Công ty Cổ phần Mua bán điện GELEX	5.100.000.000	-
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	-	1.771.644.295.436
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	-	190.000.000.000
Công ty TNHH Năng lượng GELEX Quảng Trị	-	126.300.000.000
Nhận chuyển nhượng vốn góp	-	2.024.375.161.707
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	-	2.024.375.161.707
Cổ tức, lợi nhuận được chia	745.492.911.500	523.502.774.000
Công ty Cổ phần Dây Cáp Điện Việt Nam	332.331.810.000	275.743.175.000
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	146.230.500.000	112.485.000.000
Công ty Cổ phần Hạ tầng GELEX	113.316.487.500	-
Công ty Cổ phần Thiết bị điện	78.929.198.000	39.464.599.000
Công ty TNHH Phát điện GELEX	45.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	29.684.916.000	-
Tổng Công ty Viglacera - CTCP	-	95.810.000.000

// 01/01/2021
CCT
E1
11

Thu nhập của Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác được hưởng trong năm như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thu nhập Hội đồng Quản trị (i)	5.600.000.000	3.531.000.000
Thu nhập Ban Tổng Giám đốc và người quản lý khác(ii)	2.058.622.725	1.457.583.333
Thù lao Ban kiểm soát (iii)	240.000.000	60.000.000
	7.898.622.725	5.048.583.333

(i) Bao gồm thù lao, lương và các khoản thu nhập khác của từng thành viên trong Hội đồng Quản trị được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, cụ thể như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao	720.000.000	-
Nguyễn Văn Tuấn	240.000.000	-
Nguyễn Trọng Tiểu	120.000.000	-
Đỗ Duy Hưng	120.000.000	-
Đặng Phan Tường	120.000.000	-
Nguyễn Trọng Trung	80.000.000	-
Lê Quang Định	40.000.000	-
Lương và các khoản thu nhập khác	4.880.000.000	3.531.000.000
Nguyễn Văn Tuấn	20.000.000	9.000.000
Nguyễn Trọng Tiểu	1.820.000.000	2.335.000.000
Đỗ Duy Hưng	1.520.000.000	582.000.000
Đặng Phan Tường	1.520.000.000	582.000.000
Lê Quang Định	-	9.000.000
Nguyễn Trần Đăng Phước	-	7.000.000
Nguyễn Quốc Vinh	-	7.000.000
Tổng cộng	5.600.000.000	3.531.000.000

(ii) Bao gồm tiền lương và thu nhập khác của Tổng Giám đốc và người quản lý khác được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, cụ thể như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Nguyễn Trọng Trung	431.000.000	450.000.000
Các thành viên quản lý khác	1.627.622.725	1.027.119.697
	2.058.622.725	1.477.119.697

(iii) Thù lao của từng thành viên trong Ban kiểm soát được tính vào chi phí kinh doanh của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2022, cụ thể như sau:

	Năm nay VND	Năm trước VND
Thù lao		
Nguyễn Thị Huyền	120.000.000	30.000.000
Nguyễn Hoàng Việt	60.000.000	15.000.000
Tiêu Thị Dung	60.000.000	15.000.000
	240.000.000	60.000.000

Số dư chủ yếu với các bên liên quan tại ngày kết thúc năm tài chính như sau:

	Số cuối năm VND	Số đầu năm VND
Phải thu khách hàng	109.509.154.130	403.990.217.658
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	97.557.026.424	359.156.275.369
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	6.151.377.956	31.374.269.177
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	5.156.298.252	2.206.720.489
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	644.451.498	11.252.952.623
Trả trước cho nhà cung cấp	1.048.512.697	-
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	1.048.512.697	-
Phải thu về cho vay	400.000.000.000	300.000.000.000
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	400.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	-	300.000.000.000
Phải thu khác ngắn hạn	5.819.178.083	39.464.599.000
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	5.819.178.083	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	-	39.464.599.000
Phải trả người bán	16.278.203.947	47.400.380.238
Công ty Cổ phần Thiết bị đo điện EMIC	16.268.833.756	46.765.562.169
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	9.370.191	11.546.391
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	-	623.271.678
Ứng trước từ người mua	5.004.153.000	-
Công ty Cổ phần sản xuất Thiết bị Điện Đông Anh	5.004.153.000	-
Chi phí phải trả	3.287.671	300.000.000
Công ty TNHH Phát điện GELEX	3.287.671	-
Công ty Cổ phần Chứng khoán VIX	-	300.000.000
Phải trả khác ngắn hạn	213.444.383.562	300.000.000.000
Công ty Cổ phần Thiết bị Điện	200.000.000.000	300.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	10.958.904.109	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện cơ Hà Nội	2.082.191.782	-
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	403.287.671	-
Phải trả khác dài hạn	3.287.514.170	-
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	3.287.514.170	-
Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	90.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	40.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Phú Thạnh Mỹ	20.000.000.000	-
Công ty TNHH Phát điện GELEX	30.000.000.000	-
Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	680.000.000.000	800.000.000.000
Công ty Cổ phần Tập đoàn GELEX	600.000.000.000	800.000.000.000
Công ty Cổ phần Chế tạo Điện Cơ Hà Nội	80.000.000.000	-
Doanh thu chưa thực hiện	-	3.384.445.223
Công ty Dây đồng Việt Nam CFT	-	3.384.445.223

31. BÁO CÁO BỘ PHẬN

Công ty không lập báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý do trong năm, hoạt động sản xuất kinh doanh chính của Công ty là quản lý các khoản đầu tư và kinh doanh trong lĩnh vực thiết bị điện và không có hoạt động kinh doanh nào khác ngoài lãnh thổ Việt Nam. Theo đó, thông tin tài chính trình bày trên Bảng cân đối kế toán riêng tại ngày 31 tháng 12 năm 2022 và doanh thu, chi phí trình bày trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh riêng cho năm tài chính kết thúc cùng ngày đều liên quan đến hoạt động quản lý các khoản đầu tư và kinh doanh trong lĩnh vực thiết bị điện.

32. SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NIÊN ĐỘ KẾ TOÁN

Đến ngày 28 tháng 02 năm 2023, Công ty đã mua thêm 250.328 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Thiết bị Điện (THI), nâng số lượng cổ phiếu nắm giữ tại THI lên mức 44.514.927, tương ứng với 91,22% tổng cổ phiếu có quyền biểu quyết. Cũng tại ngày này, Công ty đã mua thêm 64.456 cổ phiếu của Công ty Cổ phần Dây cáp Điện Việt Nam (CAV), nâng số lượng cổ phiếu nắm giữ tại CAV lên mức 55.453.091, tương ứng với 96,46% tổng số cổ phiếu có quyền biểu quyết.


Ngoài các sự kiện nêu trên, không có sự kiện nào khác phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán năm yêu cầu phải được điều chỉnh hay trình bày trong báo cáo tài chính riêng của Công ty.



Bùi Thị Thanh Huyền
Người lập biểu



Nguyễn Thị Nga
Kế toán trưởng



Nguyễn Trọng Trung
Tổng Giám đốc

Ngày 20 tháng 3 năm 2023